

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2025
V/v: Ly hôn giữa anh B và chị M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tiến Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hoàng Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Cấp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Đức B - Sinh năm 1972.

Đại chỉ: T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị M - Sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt anh B, chị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Bùi Đức B trình bày: Anh chung sống với chị Hoàng Thị M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 18/9/2024. Vợ chồng chung sống đến đầu tháng 12 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị M đã bỏ về quê tại Thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định sinh sống từ cuối tháng 12/2024 cho đến nay. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề có liên quan trong hôn nhân: Không có, nên anh B không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Hồng Thị M1, nhưng chị M1 không đến Tòa án để làm việc. Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ được đại diện chính quyền xã Y cho biết: Anh Bùi Đức B và chị Hoàng Thị M chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 18/9/2024. Sau khi kết hôn chị M chung sống cùng anh B tại T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Khoảng cuối tháng 12/2024 chị M về quê tại thôn P, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị M theo như người thân của chị M cho biết do mâu thuẫn với con riêng, với mẹ chồng, mâu thuẫn về kinh tế. Anh B và chị M không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề có liên quan trong hôn nhân giữa anh B và chị M, chính quyền địa phương không biết. Chị M hiện vẫn đang cư trú tại địa phương, chính quyền địa phương đã thông báo cho chị N đến Ủy ban nhân dân xã Y làm việc nhưng không hiểu tại sao chị M không đến; chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị M vắng mặt, anh B có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải; vì vậy Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố lý do đương sự vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đánh giá quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thụ lý, tiến hành thu thập chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Đức B, xử lý hôn giữa anh Bùi Đức B và chị Hoàng Thị M. Về con chung, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Không có, anh B không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét. Về án phí sơ thẩm ly hôn, anh Bùi Đức B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Bùi Đức B, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt với những lý do chính đáng. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị M vắng mặt. Để mở lại phiên tòa này, Tòa án tiếp tục thực hiện tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai nhưng chị M vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức B và chị Hoàng Thị M kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La vào ngày 18/9/2024 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 12 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình quan điểm sống của vợ chồng trái ngược nhau, không tìm được tiếng nói chung; hơn nữa do mâu thuẫn với con riêng của anh B và mẹ chồng dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh B và chị M đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh B và chị M không có con chung do vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức B không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Bùi Đức B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 131 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Bùi Đức B và chị Hoàng Thị M.

2. Về án phí: Anh Bùi Đức B phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003851 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Anh Bùi Đức B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Anh Bùi Đức B và chị Hoàng Thị M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND xã Yên Thắng;
- UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu,
huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- Lưu: HS, VP.

(đã ký)

Vũ Tiến Mãn